TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 107/2021/DS-ST
Ngày: 25-5-2021
"V/v tranh chấp hợp đồng vay"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ toạ phiên tòa: Bà Trịnh Xuân Trúc
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Mỹ Hương
Ông Võ Sĩ Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Nhiêu – Là Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Trong ngày 25 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 126/2021/TLST-DS, ngày 19 tháng 3 năm 2021 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 298/2021/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Phạm Khắc B, sinh năm 1972 và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1978; Cùng địa chỉ: Nhà không số, Hẻm 450, T, khóm 6, phường 9, thành phố C, tỉnh M (Có mặt)

- *Bị đơn:* Ông Phạm Hoàng A, sinh năm 1979 và bà Lê Thị M, sinh năm 1984; Cùng địa chỉ: Hẻm 450, Nguyễn Trãi, khóm 6, phường 9, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng đại diện nguyên đơn và các nguyên đơn trình bày*: Ngày 11/9/2020 (âm lịch) ông Phạm Khắc B, bà Nguyễn Thị N có cho ông Phạm Hoàng A, bà Lê Thị M vay số tiền 50.000.000đ, lãi suất thỏa thuận thanh toán vào ngày 11 (âm lịch) hàng tháng với mức lãi là 5%/tháng. Thời hạn vay đến tháng 6/2021 (dương lịch) sẽ thanh toán nợ cho ông B, bà N. Tuy nhiên, ông Hoàng A, bà M chỉ thực hiện đóng lãi được một tháng vào ngày 11/10/2020 (âm lịch) với số tiền 2.500.000đ thì ngưng thanh toán đến nay.

Ngoài ra, vào ngày 11/10/2020 (âm lịch) ông Phạm Khắc B, bà Nguyễn Thị N có cho vợ chồng ông Phạm Hoàng A, bà Lê Thị M mượn số tiền 250.000.000đ nhưng ghi biên nhận lùi ngày thể hiện ngày 11/9/2020 (âm lịch) mục đích cùng ngày với số tiền vay để tiện theo dõi. Khi vay bà M cam kết khi ông B, bà N yêu cầu thì ông Hoàng A, bà M thanh toán nhưng khi ông B, bà N yêu cầu nhiều lần mà ông Hoàng A, bà M vẫn không thanh toán.

Nay phía nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền nợ vốn là 300.000.000đ, không yêu cầu lãi suất.

* *Bị đơn bà Lê Thị M trình bày:* Bà với bà Nguyễn Thị N có giao dịch vay tiền nhiều lần, lãi suất khi vay thỏa thuận có lúc từ 6 - 10%,/tháng, có khi lãi góp tiền vay 10.000.000đ mỗi ngày đóng từ 200.000đ đến 500.000đ. Tuy nhiên, số tiền nợ vay vốn chỉ khoảng gần 200.000.000đ. Đến năm 2020, sau khi cộng dồn nợ lãi, vốn thì ông B, bà N yêu cầu bà viết hai biên nhận nợ. Bà xác định hai biên nhận nợ do phía nguyên đơn cung cấp là do bà viết và ký tên. Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu thanh toán số tiền nợ vốn 300.000.000đ, bà M chỉ đồng ý thanh toán số tiền 150.000.000đ và yêu cầu được trả hàng tháng mỗi tháng 2.000.000đ cho đến khi thanh toán xong khoản nợ. Ngoài ra, bà M xác định đây là khoản nợ vay riêng của bà, không liên quan đến ông Hoàng A, ông Hoàng A không biết khoản nợ này của bà. Mục đích bà vay tiền của ông B, bà N là để chi sài cá nhân và cho người quen mượn.

* *Bị đơn ông Phạm Hoàng A trình bày:* Ông không giao dịch làm ăn hay vay mượn nợ của vợ chồng ông B, bà N. Đối với việc vay nợ của bà Lê Thị M với ông B, bà N ông không biết, bà M cũng không đem tiền về sử dụng mục đích sinh hoạt gia đình. Nay ông Hoàng A xác định ông và bà M đã ly hôn với nhau từ tháng 2/2021 nên ông cho rằng mình không có liên quan nên không đồng ý có trách nhiệm thanh toán nợ theo yêu cầu nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng: Quá trình thụ lý vụ án nguyên đơn có văn bản ủy quyền cho Ông Lê Sơn T và ông Trần Văn Đ nhưng đến ngày 28/4/2021 nguyên đơn nộp văn bản thỏa thuận chấm dứt ủy quyền và hiện tại phiên Tòa nguyên đơn vẫn xác định không ủy quyền cho người khác, cá nhân các nguyên đơn sẽ tham tố tụng tại phiên Tòa xét thấy đề nghị nguyên đơn là phù hợp có căn cứ nên chấp nhận.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn đòi trả lại tiền, do đó tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án là đúng quy định tại Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: Hội đồng xét xử thấy rằng việc giao dịch tiền vay giữa nguyên đơn và bà Lê Thị M là có diễn ra trong thực tế. Tuy nhiên, hiện các nguyên đơn và bà M chưa thống nhất với nhau về số tiền đã vay và lãi suất đã trả. Nguyên đơn cho rằng vào các ngày 11/9/2020 và ngày 11/10/2020 (âm lịch) nguyên đơn đã cho các bị đơn vay có lãi và không lãi tổng cộng số tiền 300.000.000đ. Đối với bà M thì cho rằng thực tế bà đã vay tiền của ông B, bà N nhiều lần kể từ năm 2018 với số tiền từ 10.000.000đ cho đến 50.000.000đ tổng số tiền khoản 200.000.000đ nhưng lãi suất cao từ 6 - 10%/tháng và có những khoản tiền 10.000.000đ nhưng trả lãi mỗi ngày là 50.000đ đến 200.000đ/ngày. Do bà M không có tiền đóng lãi nên nguyên đơn tính lãi nhập vốn, đến ngày 11/9/2020 ông B, bà N yêu cầu bà viết biên nhận mượn 250.000.000đ và vay 50.000.000đ. Xét lời trình bày này của bà M là không có cơ sở chấp nhận: Bởi lẽ, tại phiên tòa chính bà M thừa nhận chữ ký trong tất cả các giấy biên nhận đều là của bà M đã viết và ký tên. Bản thân bà M không thống nhất số nợ như nguyên đơn trình bày nhưng bà không cung cấp

được bất cứ tài liệu, chứng cứ và cũng không xác định được thời gian vay, số tiền vay, lãi suất đã trả để chứng M các nguyên đơn đã cho vay lãi suất cao, cộng dồn viết biên nhận lại như bà M đã trình bày. Do đó chỉ có căn cứ chấp nhận lời trình bày của các nguyên đơn xác định tiền vốn vay là 300.000.000đ.

[4] Về trách nhiệm thanh toán nợ: Quá trình hòa giải và tại phiên Tòa bản thân ông B, bà N cũng thừa nhận khi giao dịch vay tiền thì ông, bà chỉ giao dịch trực tiếp với bà M. Hiện các bị đơn xác định cá nhân bà M vay, không đồng ý ông Hoàng cùng có trách nhiệm thanh toán nợ. Đối với các nguyên đơn hoàn tòan không có cơ sở nào để chứng M khi ông, bà cho bà M vay tiền thì ông HoàngAbiết và nguyên đơn cũng không chứng M được số tiền vay bà M đã sử dụng vào mục đích chung của gia đình. Theo quy định tại Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình đã qui định vợ chồng chỉ chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch một bên thực hiện khi thuộc một trong các trường hợp "*Bên giao dịch là đại diện hợp pháp của bên kia; kinh doanh chung; người thứ ba ngay tình được bảo vệ; nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình"*. Do khoản vay trên không thuộc một trong các trường hợp quy định tại Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình 2015 nên không làm phát sinh trách nhiệm liên đới thanh toán nợ đối với ông Hoàng. Do đó, đối với yêu cầu của nguyên đơn buộc ông Hoàng cùng có trách nhiệm thanh toán nợ là không có căn cứ chấp nhận.

[5] Về lãi suất: Nguyên đơn xác định số tiền vay 50.000.000đ có thỏa thuận lãi suất 5%/tháng và bà M chỉ trả lãi được một lần, đối với số tiền vay 250.000.000đ là vay không lãi. Đối với bà M cho rằng bà N, ông B cho vay lãi từ 6 - 10%,/tháng, có khi lãi góp tiền vay 10 triệu mỗi ngày đóng từ 200.000đ đến 500.000đ và số tiền 300.000.000đ là lãi nhập vốn nên yêu cầu Tòa án xem xét điều chỉnh lại nhưng bà M hoàn toàn không có căn cứ để chứng M được việc đã thanh toán lãi, nguyên đơn chỉ thừa nhận bà M có thanh toán 01 tháng tiền lãi tuy nhiên quá trình khởi kiện và tại phiên tòa nguyên đơn đã tự nguyện chỉ yêu cầu vốn gốc không yêu cầu lãi xét thấy tự nguyện nguyên đơn là có lợi cho bị đơn nên chấp nhận.

[6] Về thời gian và phương thức thanh toán, nguyên đơn, bị đơn không thỏa thuận được nên việc thanh toán thuộc thẩm quyền giải quyết của Cơ quan thi hành án sau khi bản án có hiệu lực pháp luật nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét trong vụ án.

[7] Về án phí sơ thẩm: theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn phải chịu án phí không có giá ngạch do yêu cầu trách nhiệm liên đới của ông HoàngA không được chấp nhận, bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 147, Điều 161, Điều 162, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự;

Áp dụng các Điều 463, 465, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Các Điều 27, 37 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 26 Nghị Quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn, buộc bà Lê Thị M phải có nghĩa vụ thanh toán cho ông Phạm Khắc B, bà Nguyễn Thị N số tiền vốn vay là 300.000.000đ.

Không chấp nhận yêu cầu của ông Phạm Khắc B, bà Nguyễn Thị N về việc buộc ông Phạm Hoàng có trách nhiệm liên đới với bà Lê Thị M thanh toán số nợ là 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng).

Kể từ ngày ông Phạm Khắc B, bà Nguyễn Thị N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Lê Thị M không tự nguyện thi hành xong, thì phải trả thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất được quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

2. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Bà Lê Thị M phải nộp là 15.000.000đ (Chưa nộp). Ông Phạm Khắc B, bà Nguyễn Thị N phải nộp 300.000đ. Ngày 19/3/2021 ông B, bà N đã dự nộp số tiền 7.500.000đ theo biên lai số 0000810 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cà Mau, sau khi đối trừ được nhận lại số tiền còn lại khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- Viện kiểm sát nhân dân Tp. Cà Mau;
- Cục thi hành án dân sự Tp. Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trịnh Xuân Trúc